TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HC-ST.
Ngày: 01-3-2018.
V/v: Khiếu kiện Quyết định hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và yêu cầu bồi thường.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Đinh Thị Kiều Lương.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Quản Thế Nhân**.

2. Ông **Lưu Đức Chung.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Đình Tất** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 05/2017/TLST-HC ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc: *"Khiếu kiện quyết định hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và yêu cầu bồi thường"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HC ngày 22 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-HC ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Bùi Mạnh H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: 350, Tổ 5, Ấp 8, xã B, huyện L, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Đức C, sinh năm 1949 (Văn bản ủy quyền ngày 13/3/2015).

Địa chỉ: 1178, Tổ 3, ấp S, xã C, huyện L, tỉnh Đ. (Vắng mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đ.

Địa chỉ: Số 1, Lê Hồng Ph, khu Ph, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn H - Chức vụ: Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền số 5309/UQ-UBND ngày 26/8/2016). (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: 350, Tổ 5, Ấp 8, xã B, huyện L, tỉnh Đ. (Vắng mặt).

2. Ban quản lý rừng phòng hộ L.

Địa chỉ: Tổ 17, khu Ph, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Thanh B – Phó Giám đốc. (Văn bản ủy quyền số 100/GUQ-BQLRPHLT ngày 22/6/2016). (Vắng mặt).

3. Công ty cổ phần môi trường T.

Địa chỉ: Ấp 7, xã B, huyện L, tỉnh Đ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện ghi ngày 20/3/2015, bổ sung ngày 03/4/2015 của người khởi kiện ông Bùi Mạnh H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án do ông Đỗ Đức C đại diện theo ủy quyền trình bày*:**

Ngày 31/12/2014, gia đình ông H nhận được quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc hỗ trợ cho hộ của ông H số tiền 175.050.000 đồng. Đối chiếu với các quy định của cơ quan quản lý nhà nước, còn nhiều khoản trợ cấp khác nhưng ông H không được Ủy ban nhân dân huyện L phê duyệt theo thẩm quyền quy định, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, cụ thể như sau:

+ Diện tích đất của ông H bị thu hồi là 6.186 m^2 trong đó hỗ trợ 351 m^2 với mức hỗ trợ 75% = 351 m^2 x 60.000 đồng/m^2 x 75% = 15.795.000 đồng, diện tích đất 5.835 m^2 của ông H bị thu hồi chỉ được hỗ trợ 50%, còn thiếu 25%. Do vậy, ông H khởi kiện yêu cầu phải hỗ trợ cho diện tích đất 5.835 m^2 của ông H bị thu hồi theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Quyết định số 20/2010/QĐ-UBND ngày 05/4/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ là 75% giá đất được bồi thường, cụ thể hỗ trợ thêm là 5.835 m^2 x 60.000 đồng/m^2 x 25% = 87.525.000 đồng.

+ Trợ cấp gạo theo điểm a khoản 1 Điều 5 của Quyết định 20/2010/QĐ-UBND ngày 05/4/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cho 01 nhân khẩu trong 06 tháng cụ thể (08 nhân khẩu x 30 kg/tháng = 240 kg) x 06 tháng = 1.440 kg) x 15.000 đồng/kg = 21.600.000 đồng.

+ Thưởng chấp hành tốt việc thu hồi đất theo Điều 14 của quyết định số 20/2010/QĐ-UBND ngày 05/4/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ là 8.000.000 đồng.

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 của quyết định số 20/2010/QĐ-UBND ngày 05/4/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ là 1,5 lần giá đất nông nghiệp bị thu hồi thực tế là 6.186 m^2 x 60.000 đồng/m^2 x 1,5 = 556.740.000 đồng.

Nay ông C đại diện theo ủy quyền cho ông H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Long Thành giải quyết gồm:

1. Yêu cầu hủy quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc hỗ trợ cho hộ ông H có hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng, nhận chuyển nhượng hợp đồng khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ L thuộc dự án đầu tư Nhà máy xử lý rác thải tại xã B do quyết định này là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

2. Đối với quyết định số 1807/QĐ-UBND ngày 11/05/2016 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc phê duyệt hỗ trợ khác cho ông H số tiền 87.525.000 đồng thì ông đại

diện theo ủy quyền cho ông H yêu cầu Tòa án hủy do quyết định này trái pháp luật, đùng đẩy, né tránh trách nhiệm.

3. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 của quyết định số 20/2010/QĐ-UBND ngày 05/4/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ là 1,5 lần giá đất nông nghiệp bị thu hồi thực tế là 6.186 m^2 x 90.000 đồng/m^2 = 556.740.000 đồng.

4. Thưởng chấp hành tốt việc thu hồi đất theo Điều 14 của Quyết định số 20/2010/QĐ-UBND ngày 05/4/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ là 8.000.000 đồng.

Riêng đối với yêu cầu trợ cấp gạo theo điểm a khoản 1 Điều 5 của Quyết định số 20/2010/QĐ-UBND ngày 05/4/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đlà 30 kg gạo cho 01 nhân khẩu trong 06 tháng, cụ thể: (08 nhân khẩu x 30 kg/tháng = 240 kg) x 06 tháng = 1.440 kg) x 15.000 đồng/kg = 21.600.000 đồng thì người khởi kiện không yêu cầu.

- Theo bản tự khai ngày 13/5/2015 của ông Trịnh Tiến H và bản giải trình ngày 21/12/2017 của ông Nguyễn Tấn H là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện L trình bày:

Trường hợp của ông Bùi Mạnh H thuộc dự án xử lý rác thải tại xã B. Ngày 08/10/2010, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L phối hợp với UBND xã B và Công ty TNHH T (chủ đầu tư) tiến hành kiểm kê phần tài sản, cây trồng trên các thửa 125a, 125b với diện tích thu hồi là 5.835 m^2 đất do Ban quản lý rừng phòng hộ L quản lý. Theo đó, phần cây trồng đã được bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ L để phân chia theo hợp đồng giao khoán với ông H theo thỏa thuận tại biên bản thỏa thuận quy hoạch diện tích sản xuất giữa Ban quản lý và chủ hộ hợp đồng ngày 20/5/2005. Phần đất này sử dụng ổn định không tranh chấp được UBND xã B xác nhận nguồn gốc đất ngày 27/12/2010 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai–chi nhánh Long Thành) thẩm tra và thống nhất nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B.

Căn cứ Điều 20, Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 3 Điều 5, Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh Đ "Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ bằng tiền, với mức hỗ trợ bằng 50% giá đất bồi thường tính theo diện tích đất thực tế thu hồi, nhưng không vượt quá hạn mức diện tích giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 70 Luật đất đai năm 2003" và thực hiện theo văn bản số 4579/UBND – ĐT ngày 28/5/2014 của UBND tỉnh Đ về việc xử lý hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho các trường hợp nhận hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng với với Ban quản lý rừng phòng hộ L quản lý. "Chấp thuận cho UBND huyện L áp dụng quy định tại Điều 5 Quyết định 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh Đ để tính hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho các trường hợp được giao khoán đất lâm nghiệp mà theo hợp đồng cũ trước đây có nội dung là bảo vệ rừng (có xác nhận của Ban quản lý rừng phòng hộ L bằng văn bản) các trường hợp nhận chuyển nhượng hợp đồng được Ban quản lý rừng phòng hộ L xác nhận".

Ngày 11/6/2014, Ban quản lý rừng phòng hộ L có văn bản số 273/CV-BQL. Theo đó, xác nhận lại nội dung hợp đồng của các hộ nhận khoán thuộc dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã B.

Từ cơ sở trên, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L đã lập phương án hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất hình thức hỗ trợ bằng tiền, với mức hỗ trợ 50% giá đất bồi thường tính theo diện tích đất thực tế thu hồi diện tích 5.835 m^2 x 60.000 đồng/m^2 x 50% = 175.050.000 đồng) cho ông Bùi Mạnh H và được UBND huyện L phê duyệt tại quyết định 3016/QĐ–UBND ngày 27/6/2014 là đúng quy định. Ông Bùi Mạnh H đã nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư triển khai dự án.

Về đất: Do Ban quản lý rừng phòng hộ L quản lý (đất công) nên không tính toán giá trị bồi thường.

Về cây trồng trên đất: Do được Ban quản lý rừng phòng hộ L hợp đồng khoán với hộ nên Trung tâm phát triển quỹ đất lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho Ban quản lý rừng phòng hộ L để phân chia theo hợp đồng giao khoán được UBND huyện L phê duyệt tại quyết định số 6707/QĐ–UBND ngày 24/11/2011 của Ban quản lý rừng phòng hộ L nhận tiền và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư.

Ngày 18/9/2015, UBND tỉnh Đ có văn bản số 7548/UBND-ĐT về việc xủ lý vướng mắc dự án khu xử lý chất thải do Công ty TNHH T thực hiện tại xã B, huyện L. UBND tỉnh Đ đã chấp thuận cho UBND huyện L căn cứ Điều 31 Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đ để thực hiện hỗ trợ khác do chủ đầu tư cam kết hỗ trợ bổ sung bằng 25% giá trị bồi thường đất cho các hộ gia đình trong đó có hộ của ông Bùi Mạnh H.

Ngày 04/12/2015, UBND huyện L giao trách nhiệm Trung tâm phát triển quỹ đất tại Văn bản số 6764/UBND-KT. Theo đó, UBND huyện L giao Trung tâm phát triển quỹ đất áp giá lập phương án hỗ trợ khác cho các hộ dân nhận khoán nêu trên.

Ngày 16/3/2016, Trung Tâm phát triển quỹ đất Đ - Chi nhánh L có báo cáo số 37/BC-TTPTQĐ về việc dự án đầu tư Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp tại xã B.

Ngày 11/5/2016, UBND huyện L ban hành Quyết định số 1807/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khác cho các hộ dân nhận khoán bảo vệ rừng, nhận chuyển nhượng hợp đồng nhận khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ L thuộc dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã B có diện tích bị thu hồi là 5.835 m^2 (thuộc một phần thửa 125, tờ bản đồ số 20 là các thửa 125a và 125b xã B) x 60.000 m^2 x 25% = 87.525.000 đồng. Căn cứ Điều 15, Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Ngày 22/02/2016, 07/3/2016 và 14/4/2016, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đ – Chi nhánh huyện L có Văn bản số 81/CV-TTPTQĐ; Văn bản số 121/CV-TTPTQĐ và Văn bản số 265/CV-TTPTQĐ về việc đề nghị Công ty TNHH T chuyển tiền bồi thường dự án đầu tư Nhà máy xử lý rác tại UBND xã B nhưng đến nay Công ty vẫn chưa chuyển tiền cho các hộ dân.

Ngày 13/6/2016, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đ – Chi nhánh L phối hợp với UBND xã B công bố đến các hộ dân trong vùng dự án.

Việc ông Bùi Mạnh H yêu cầu hủy quyết định 3016/QĐ-UBND của UBND huyện L ngày 27/6/2014 và Quyết định số 1807/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 của UBND huyện L đồng thời yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp là không có cơ sở chấp nhận.

- Theo bản tự khai ngày 15/11/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà là vợ của ông H, bà thống nhất với yêu cầu khiếu kiện liên quan đến việc hỗ trợ do thu hồi diện tích đất tại xã B do vợ chồng bà đang quản lý. Bà yêu cầu vắng mặt không tham gia tố tụng trong vụ kiện.

- Theo bản tự khai ngày 05/7/2016 của ông Vũ Thanh B là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý rừng phòng hộ L trình bày:

Diện tích đất của ông Bùi Mạnh H đang tổ chức sản xuất là đất công do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ L quản lý tại quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 25/9/1978.

Ông H được Ban quản lý rừng phòng hộ L đồng ý giao khoán để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo Nghị định 01/NĐ-CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ tại biên bản lập ngày 20/5/2005. Hiện ông H đã được lập hợp đồng giao khoán theo Nghị định số 135/2015/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ tại Hợp đồng số 143/HĐ ngày 05/6/2014.

Về bàn giao đất cho Dự án xử lý rác thải: Theo thông báo số 5140/TB-UBND ngày 28/6/2010 của UBND tỉnh Đ về thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư nhà máy xử lý rác thải tại xã B, Ban quản lý rừng phòng hộ L đã bàn giao xong diện tích thu hồi cho chủ đầu tư theo đúng quyết định của UBND tỉnh Đ.

Việc giải quyết tiền hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất không thuộc trách nhiệm của Ban, theo quy định tại văn bản số 3023/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 11/8/2010 của Bộ tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý rừng phòng hộ đã lập công văn số 485/CV- BQL ngày 09/12/2010 gởi cho Hội đồng bồi thường huyện L về trường hợp của ông H. Ông H không thuộc đối tượng bị thu hồi đất, mà chỉ là đối tượng nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp do đó chỉ được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Thẩm quyền thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế xã hội của Ban quản lý rừng phòng hộ L thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần môi trường T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt và cũng không có ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần môi trường T không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Mạnh H là không đúng quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đỗ Đức C là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Bùi Mạnh H; ông Nguyễn Tấn H là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện L; ông Vũ Thanh B và bà Nguyễn Thị D đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án Công ty cổ phần môi trường T (trước đây tên gọi là Công ty trách nhiệm hữu hạn T), mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 157, Điều 158 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 31/12/2014, ông Bùi Mạnh H nhận Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện L . Ngày 20/3/2015, ông H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành. Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 104/2015/QH13 và khoản 2 Điều 104 của Luật Tố tụng hành chính năm 2010 thì đơn khởi kiện của ông H còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính 2015 quy định: Khiếu kiện hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cùng địa giới hành chính với Tòa án thì thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp tỉnh. Ông H khởi kiện quyết định của Ủy ban nhân dân huyện L theo quy định trên thuộc thẩm quyền cấp tỉnh nhưng căn cứ khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 quy định: Đối với những khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đã được Tòa án nhân dân cấp huyện thụ lý giải quyết trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 thì Tòa án đã thụ lý tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không chuyển cho Tòa án cấp tỉnh giải quyết. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Thành tiếp tục giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Điều 29 Luật Tố tụng hành chính năm 2010 là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Ông Bùi Mạnh H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện L , ông H cho rằng quyết định này chỉ hỗ trợ 50% giá đất được bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi là 5.835 m^2 (thuộc một phần thửa 125 tờ bản đồ số 20 là các thửa 125a và 125b xã B) là không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 20/2010/QĐ-UBND ngày 05/4/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Ông đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L phải hỗ trợ thêm 25% trị giá đất số tiền là 87.525.000 đồng; trợ cấp gạo cho 08 nhân khẩu là 21.600.000 đồng; thưởng chấp hành tốt việc thu hồi đất là 8.000.000 đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp là 6.186 m^2 x 90.000 đồng/m^2 = 556.740.000 đồng, tổng cộng là 673.865.000 đồng.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền trợ cấp gạo 21.600.000 đồng, đồng thời ông C yêu cầu bổ sung hủy

Quyết định số 1807/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 của Ủy ban nhân dân huyện L. Xét thấy, việc ông C rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu trên.

[6] Đối với yêu cầu bổ sung hủy Quyết định số 1807/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 của Ủy ban nhân dân huyện L. Xét thấy, theo hợp đồng ủy quyền ngày 13/3/2015 ông H chỉ ủy quyền cho ông C khởi kiện và tham gia tố tụng đối với Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 mà không ủy quyền nội dung khác nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết theo nội dung đơn khởi kiện của ông H.

[7] Xét thấy, phần đất ông H canh tác thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 20, xã B, huyện L là đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ L quản lý tại Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 25/9/1978. Ban quản lý rừng phòng hộ L giao khoán đất cho ông Nguyễn Văn V mục đích để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo Hợp đồng số 123, sau đó ông V chuyển nhượng lại hợp đồng giao khoán cho ông H.

[8] Căn cứ Điều 20 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định: "Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi Nhà nước thu hồi mà thuộc đối tượng là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp; hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn sống chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp thì được hỗ trợ bằng tiền. Mức hỗ trợ cao nhất bằng giá đất bồi thường tính theo diện tích đất thực tế thu hồi, nhưng không vượt hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương".

[9] Theo khoản 3 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ quy định "Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do giao nhận khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ bằng tiền, với mức hỗ trợ bằng 50% giá đất bồi thường tính theo diện tích đất thực tế thu hồi, nhưng không vượt quá hạn mức diện tích giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 70 Luật Đất đai năm 2003". Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện L căn cứ khoản 3 Điều 20 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và khoản 3 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ để ban hành Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 để hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho hộ ông Bùi Mạnh H với mức hỗ trợ 50% giá đất bồi thường tính theo diện tích đất thực tế thu hồi là có căn cứ.

[10] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính và các văn bản hành chính có liên quan: Sau khi có Thông báo số 5140/TB-UBND ngày 28/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, ngày 18/11/2011 Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã ban hành Quyết định số 3071/QĐ-UBND về việc giao đất cho Công ty TNHH T thực hiện dự án Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại tại xã B, huyện L. Ngày 26/6/2014, Ủy ban nhân

dân huyện L đã ban hành Quyết định số 2853/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho các hộ dân, trong đó có hộ ông H. Ngày 27/6/2014, Ủy ban nhân dân huyện L đã ban hành Quyết định số 3016/QĐ-UBND để hỗ trợ cho hộ ông H 175.050.000 đồng.

[11] Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ có văn bản số 7548/UBND-ĐT ngày 18/9/2015 chấp thuận cho chủ đầu tư cam kết hỗ trợ bổ sung 25% giá trị đất cho 13 hộ gia đình (trong đó có hộ ông H) đồng thời chấp thuận cho Ủy ban nhân dân huyện L căn cứ Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ để thực hiện hỗ trợ cho các hộ dân. Ngày 03/02/2016, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 643/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khác cho các hộ dân có hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng thuộc dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã B, huyện Long Thành. Ngày 11/5/2016, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 1807/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ thêm cho ông H 25% giá đất bị thu hồi là 87.525.000 đồng.

[12] Như vậy, trình tự, thủ tục, nội dung ban hành Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 27/6/2014, Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 và Quyết định số 1807/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 của Ủy ban nhân dân huyện L là phù hợp với quy định tại Điều 39, 43 Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ, Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND và Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND cùng ngày 03/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

[13] Từ những nhận định trên, nhận thấy Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 "Về việc hỗ trợ cho hộ ông Bùi Mạnh H có hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng, nhận chuyển nhượng hợp đồng khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ L thuộc dự án đầu tư Nhà máy xử lý rác thải tại xã B, huyện L" và Quyết định số 1807/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện L ngày 11/5/2016 "Về việc phê duyệt hỗ trợ khác cho hộ ông Bùi Mạnh H hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng, nhận chuyển nhượng hợp đồng nhận khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ L thuộc dự án đầu tư Nhà máy xử lý rác tại xã B" là đúng quy định pháp luật. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có cơ sở chấp nhận.

[14] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông H không được chấp nhận nên ông H phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đúng với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 29 và Điều 104 Luật Tố tụng hành chính năm 2010.

Căn cứ Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 173, Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính của Quốc hội.

Căn cứ Điều 39, 43 Luật Đất đai năm 2003; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 20 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính

phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Mạnh H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đ và yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đ phải bồi thường số tiền 652.265.000 đồng (sáu trăm năm mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Bùi Mạnh H về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện L bồi thường 21.600.000 đồng (hai mươi mốt triệu, sáu trăm nghìn) đồng tiền trợ cấp gạo.

Về án phí: Ông Bùi Mạnh H phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 006705 ngày 20/4/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Ông H đã nộp xong.

Ông Bùi Mạnh H được quyền làm đơn kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Kiều Lương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quản Thế Nhân **Lưu Đức Chung** **Đinh Thị Kiều Lương**